

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2017
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1/Ông Lưu Trọng Kim

2/Bà Lê Thị Kiều Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Công Quảng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 155/2017/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2017, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/7/2017; Quyết định thay đổi thành phần những người tiến hành tố tụng số 27/2017/QĐ-TĐ, ngày 01/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2017/QĐST- HNGĐ, ngày 02/8/2017 và Quyết định thay đổi thành phần những người tiến hành tố tụng số 34/2017/QĐ-TĐ, ngày 17/8/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nùng Thị Kim T, sinh năm 1994, Nơi cư trú: tổ A, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: anh Vũ Đình Q, sinh năm 1991, Nơi cư trú: thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2017, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, các tài liệu khác có trong hồ sơ và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn Nùng Thị Kim T trình bày: Chị và anh Q tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào tháng 5/2016. Chị và anh Q chung sống với nhau được 08 ngày thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn với chị anh Q đã chơi cá độ bóng đá gây ra nợ nần, sau khi cưới chị mới phát hiện ra nên giữa chị và anh Q nảy sinh cãi vã và chị đã về nhà cha mẹ ruột sống từ khoảng tháng 6/2016 cho đến nay. Cũng từ tháng 6/2016 đến nay anh Q đã đi nơi khác làm ăn, thỉnh thoảng có về địa phương nhưng chị và anh Q không gặp nhau, không liên lạc. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Q đã thật sự trầm trọng không hàn gắn được, chị yêu cầu ly hôn anh Q. Về con chung: Chị và anh Q không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không tranh chấp.

Theo biên bản xác minh ngày 07/6/2017, ông Vũ Đình Hùng – Cha ruột của Vũ Đình Q trình bày: Chị T và anh Q tự nguyện kết hôn, song chỉ sống với nhau được 4 tháng thì ly thân khoảng một năm nay, nguyên nhân là do anh Q ham mê cá độ bóng đá, chị T khuyên nhủ không được nên chị T về nhà mẹ sống. Anh Q đi khỏi địa phương một năm nay không về nhà và ông không thể liên lạc được với anh Q.

Theo biên bản xác minh ngày 05/7/2017 đối với thôn trưởng thôn 9 và công an xã Đa Kai cung cấp: Anh Q hiện nay vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 19, đường số 40, thôn 9, xã Đa Kai, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, hiện anh Q đã đi khỏi địa phương nhưng thỉnh thoảng vẫn về và lần cuối cùng anh Q về địa phương là vào cuối tháng 5/2017.

Tòa án đã tiến hành mở các phiên hòa giải nhưng anh Vũ Đình Q không đến tòa án nên không thể tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự: Thẩm phán đã tiến hành thụ lý hồ sơ đúng quy định, xác định đúng quan hệ pháp luật, HĐXX đã tiến hành xét xử đúng trình tự luật định, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của chị T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ lần thứ hai về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn Vũ Đình Q là phù hợp.

[4] Về hôn nhân: Chị T và anh Q đã tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 44 do UBND xã Đ cấp ngày 11/5/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn thì chị T và anh Q sống chung thời gian ngắn rồi ly thân hơn một năm nay. Chị T xác định không còn tình cảm với anh Q và kiên quyết ly hôn anh, tòa án đã triệu tập anh Quyết nhiều lần nhưng anh cố tình không đến tòa án. Qua xác minh chính quyền địa phương thấy rằng anh Q thỉnh thoảng vẫn về địa phương nhưng anh cố tình không đến tòa án. Thấy rằng anh Q cũng không còn tình cảm với chị T nữa nên bỏ mặc chị muốn làm gì thì làm. Do đó, mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã thật sự trầm trọng, không hàn gắn được, có duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho anh, chị. Vì vậy xử cho chị T ly hôn anh Q là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về con chung: Chị T và anh Q không có con chung nên không phải xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Q không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không cần xem xét trong bản án này.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị T là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1/ Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nùng Thị Kim T đối với anh Vũ Đình Q:

- **Về hôn nhân:** Chị Nùng Thị Kim T ly hôn anh Vũ Đình Q.

2/ Về án phí DSST: Chị Nùng Thị Kim T phải chịu 300.000đồng án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0012970 ngày 09/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị T đã nộp đủ án phí DSST.

3/ Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18/8/2017, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- CC THA huyện Đức Linh;
- Các đương sự
- UBND xã Đ;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ, bản án./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Phúc Thị Thu Hà

